

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1254/QĐ-ĐHTCM, ngày 15 tháng 9 năm 2017 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên chương trình: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

Tên tiếng Anh: ACCOUNTING INFORMATION SYSTEM

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý

Loại hình đào tạo: Chính quy

Mã số: 52340405

1. Căn cứ xây dựng chương trình

1.1. Căn cứ pháp lý

- Quyết định 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;
- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo “Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ”;
- Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;
- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Thông tư số 25/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học;
- Quyết định số 378/QĐ - TTg ngày 23/03/2015 Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2015 – 2017;
- Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về “Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing”.

1.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Hiện nay, cơ sở vật chất của Trường đại học Tài chính – Marketing phục vụ cho đào tạo như sau:

- Cơ sở 1: Số 2/4 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP.HCM;
- Cơ sở 2: Số 2C Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM;
- Cơ sở 3: Số 343/4 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.HCM;
- Cơ sở 4: Số 306 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.HCM

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo những cử nhân trình độ đại học có phẩm chất chính trị, năng lực tư duy và đạo đức nghề nghiệp; có phương pháp và kỹ năng làm việc phù hợp trong lĩnh vực hệ thống thông tin; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, tin học, ngoại ngữ; có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hệ thống thông tin; có khả năng hoạch định, tư vấn, lập kế hoạch, xây dựng, triển khai và quản trị hệ thống thông tin của các tổ chức và doanh nghiệp, quản trị và khai thác các kho dữ liệu lớn. Chuyên môn nghiệp vụ được hướng vào bốn lĩnh vực chính theo lựa chọn của người học gồm:

- Hướng nghiên cứu về Hệ thống thông tin quản lý;
- Hướng nghiên cứu về Thương mại điện tử;
- Hướng nghiên cứu về Công nghệ phần mềm;
- Hướng nghiên cứu về Thống kê dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh.

2.2. Chuẩn đầu ra

2.2.1. Ngoại ngữ

Với đối tượng là học sinh phổ thông có trình độ phổ biến tương đương chứng chỉ A Anh văn, sinh viên được trang bị 12 tín chỉ ngoại ngữ (tương đương 180 tiết), sinh viên tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ ngoại ngữ TOEIC 405 theo chuẩn quốc tế (IIG tổ chức thi và ETS cấp chứng chỉ).

2.2.2. Kỹ năng mềm

Để vận dụng có hiệu quả kiến thức và các kỹ năng nghề nghiệp trong công việc sau khi tốt nghiệp, sinh viên phải đạt 4 trong 8 các kỹ năng gồm:

a) Chọn 2 trong 4 kỹ năng hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học đại học:

- Kỹ năng Thuyết trình – Presentation skills;
- Kỹ năng Làm việc nhóm – Teamwork skills;
- Kỹ năng Quản lý thời gian – Time management skills;
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo – Creative thinking skills.

b) Chọn 2 trong 4 kỹ năng hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình tìm việc và làm việc:

- Kỹ năng Giao tiếp – Communication skills;
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề – Problem solving skills;
- Kỹ năng Tìm việc – Job seeking skills;
- Kỹ năng Khám phá bản thân và Lập kế hoạch nghề nghiệp – Self-discovery and career planning skills.

3. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo: 4 năm.

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Gồm 130 tín chỉ, chưa tính Giáo dục thể chất (4 tín chỉ), Giáo dục quốc phòng (3 tín chỉ) và các học phần kỹ năng mềm.

5. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2017.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo:

Theo quy định đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Theo quy định tại Điều 29, chương V quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012, và quy định về chuẩn đầu ra của trường.

- Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ TOEIC từ 405 trở lên hoặc tương đương (do IIG tổ chức và ETS cấp chứng chỉ quốc tế).

7. Thang điểm

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên theo quy định tại Điều 25, chương III quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại quyết định số 1194//QĐ/ĐHTCM-QLĐT ngày 19/07/2012.

8. Nội dung chương trình

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

33 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

8.1.1. Lý luận chính trị

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết	
				LT	TH
1	010633	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 (The basic Principles of Marxism-Leninism 1)	2	30	
2	010634	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 (The basic Principles of Marxism-Leninism 2)	3	45	
3	010017	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2	30	
4	010016	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN (Vietnam Communist Party's Revolutionary Policies)	3	45	
		TỔNG	10	150	

8.1.2. Khoa học xã hội

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết	
				LT	TH
5	010637	Pháp luật đại cương (General Laws)	3	45	
		TỔNG	3	45	

8.1.3. Nhân văn - Nghệ thuật (không áp dụng)

8.1.4. Ngoại ngữ

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết	
				LT	TH
6	010640	Anh văn căn bản 1 (General English 1)	3	45	
7	010022	Anh văn căn bản 2 (General English 2)	3	45	
8	010023	Anh văn căn bản 3 (General English 3)	3	45	
9	010024	Anh văn căn bản 4 (General English 4)	3	45	
		TỔNG	12	180	

8.1.5. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết	
				LT	TH
10	010025	Toán cao cấp (Calculus)	4	60	

11	010638	Tin học đại cương (Basic Informatics)	4	45	30	HK1
TỔNG			8	105	30	

8.1.6. Giáo dục thể chất

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
12		Giáo dục thể chất (Physical Training)	4			HK1,2,3,4
TỔNG			4			

8.1.7. Giáo dục quốc phòng- an ninh

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
13		Giáo dục quốc phòng (Military Training)	8			HK1
TỔNG			8			

8.1.8. Kỹ năng mềm

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
14	010782	Kỹ năng Thuyết trình (Presentation skills)	1			Chọn 2 Trong 4
15	010783	Kỹ năng Làm việc nhóm (Teamwork skills)	1			
16	010815	Kỹ năng Quản lý thời gian (Time management skills)	1			
17	010845	Kỹ năng Tư duy sáng tạo (Creative thinking skills)	1			
18	010852	Kỹ năng Giao tiếp (Communication skills)	1			Chọn 2 Trong 4
19	010909	Kỹ năng Giải quyết vấn đề (Problem solving skills)	1			
20	010910	Kỹ năng Tìm việc (Job seeking skills)	1			
21	010911	Kỹ năng Khám phá bản thân và Lập kế hoạch	1			

		nghề nghiệp (Self-discovery and career planning skills)				
		TỔNG	4			

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

8.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		G
				LT	TH	
22	010031	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics – Part 1)	3	45		H
23	010032	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics – Part 1)	3	45		H
		TỔNG	6	90		

8.2.2. Kiến thức cơ sở ngành

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		G
				LT	TH	
24	010038	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	45		H
25	010033	Quản trị học (Management)	3	45		H
26	010043	Toán rời rạc (Discrete Maths)	3	45		H
27	010045	Hệ thống thông tin quản lý (Management Information System)	3	30	30	H
28	010069	Cơ sở lập trình (Basic Programming)	3	30	30	H
29	010070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (Data Structure and Algorithm)	3	30	30	H
30	010071	Cơ sở dữ liệu (Databases)	3	30	30	H
31	010026	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theories of Probability and statistics)	3	45		H
32	010030	Mô hình toán kinh tế (Econometrics Models)	3	45		H
		TỔNG	27	345	120	

8.2.3. Kiến thức chung của ngành

8.2.4. Kiến thức chuyên ngành

STT	MÃ	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết	GH
-----	----	--------------	----	---------	----

	HỌC PHẦN			LT	TH	CHÚ
33	#N/A	Kế toán máy (Informatics applied in accounting)	3	30	30	HK3
34	010718	Lập trình kế toán 1 (Accounting Programming 1)	3	30	30	HK5
35	010719	Lập trình kế toán 2 (Accounting Programming 2)	3	30	30	HK6
36	010722	Lập trình web 1 (Web Development 1)	3	30	30	HK6
37	010723	Lập trình web 2 (Web Development 2)	3	30	30	HK7
38	010581	Phát triển hệ thống thông tin quản lý (Management Information System Development)	3	30	30	HK5
39	010688	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server (SQL Server Database Management System)	3	30	30	HK4
40	010697	Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)	3	45		HK3
41	010553	Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting2)	3	45		HK4
42	010522	Kế toán tài chính 3 (Financial Accounting3)	3	45		HK5
43	010698	Kế toán thuế (Tax Accounting)	3	45		HK6
44	010693	Kế toán chi phí (Cost Accounting)	3	45		HK6
45	010516	Kế toán quản trị 1 (Accounting Management 1)	3	45		HK7
46	010451	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)	3	45		HK5
47	010779	Phân tích tài chính (Financial Analysis)	3	45		HK7
48	010084	Kiểm toán căn bản (Basic Auditing)	3	45		HK6
49		Thực hành nghề nghiệp (Practicum)	2			HK7
		TỔNG	50	600	240	

8.2.5. Kiến thức bổ trợ ngành

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GHI CHÚ
				LT	TH	
50	010517	Kế toán quản trị 2 (Accounting Management 2)	3	45		Chọn 2 trong 5
51	010980	Thuế 1 (Taxation 1)	3	45		
52	010315	Kế toán hành chính sự nghiệp (Administrative Accounting)	3	45		
53	010842	Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance – Part 1)	3	45		
54	010580	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	30	30	

		(Enterprise Resource Planning)			
		TỔNG	6		

8.2.6. Khóa luận tốt nghiệp hoặc Thực tập cuối khóa và học các môn học tập

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GH
				LT	TH	
55		Khóa luận tốt nghiệp (Thesis)	8			
		TỔNG	8			

GHI CHÚ: Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải thực tập nghiệp (3 tín chỉ) và học bổ sung thêm 2 môn (5 tín chỉ)

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		GH
				LT	TH	
56		Thực tập cuối khóa (Internship)	3			
57		Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp (Organization Of Business Accounting)	2	2		
58	010262	Kế toán thuế (Tax Accounting)	2	2		
59	010869	Thương mại điện tử (E – Commerce)	3	3		
60		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server nâng cao (Advanced Management for SQL Server)	3	2	1	
		TỔNG	8			

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CÁC HỌC KỲ

9.1. Học kỳ I

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	
1		Toán cao cấp	4	60		
2		Tin học đại cương	3	30	30	
3		Cơ sở lập trình	3	30	30	
4		Kinh tế vi mô 1	3	45		
5		Những NLCB của CNML 1	2	30		

6		Giáo dục thể chất	1			
7		Giáo dục quốc phòng	8			
TỔNG CỘNG			15	195	60	

9.2. Học kỳ II:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Anh văn căn bản 1	3	45		
2		Những NLCB của CNML 2	3	45		
3		Kinh tế vĩ mô 1	3	45		
4		Nguyên lý kế toán	3	45		
5		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	30	
6		Lý thuyết XS và TK toán	3	45		
7		Giáo dục thể chất	1			
TỔNG CỘNG			18	255	30	

9.3. Học kỳ III:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Anh văn căn bản 2	3	45		
2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
3		Toán rời rạc	3	45		
4		Kế toán máy	3	30	30	
5		Cơ sở dữ liệu	3	30	30	
6		Kế toán tài chính 1	3	45		
7		Giáo dục thể chất	1			
TỔNG CỘNG			17	225	60	

9.4. Học kỳ IV:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1		Anh văn căn bản 3	3	45	
2		Kế toán tài chính 2	3	45	
3		Đường lối CM của Đảng CSVN	3	45	
4		Hệ quản trị CSDL SQL Server	3	30	30
5		Hệ thống thông tin quản lý	3	30	30
6		Mô hình toán kinh tế	3	45	
7		Giáo dục thể chất	1		
TỔNG CỘNG			18	240	60

9.5. Học kỳ V:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1		Anh văn căn bản 4	3	45	
2		Lập trình kế toán 1	3	30	30
3		Kế toán tài chính 3	3	45	
4		Hệ thống thông tin kế toán	3	45	
5		Pháp luật đại cương	3	45	
6		Phát triển hệ thống TTQL	3	30	30
TỔNG CỘNG			18	240	60

9.6. Học kỳ VI:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH
1		Lập trình kế toán 2	3	30	30
2		Lập trình Web 1	3	30	30
3		Kế toán chi phí	3	45	
4		Kế toán thuế	3	45	

5		Quản trị học	3	30		
6		Kiểm toán căn bản	3	45		
TỔNG CỘNG			18	225	60	

9.7. Học kỳ VII:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Lập trình Web 2	3	30	30	
2		Phân tích tài chính	3	45	30	
3		Kế toán quản trị 1	3	45		
4		Kế toán quản trị 2	3	45		
		Thuế 1	3	45		
		Kế toán hành chính sự nghiệp	3	45		Chọn 2 trong 5
		Tài chính doanh nghiệp 1	3	45		
		Hệ thống hoạch định nguồn lực DN	3	30	30	
5		Thực hành nghề nghiệp	2			
TỔNG CỘNG			17			

9.8. Học kỳ VIII:

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Khóa luận tốt nghiệp (Thesis)	8			
TỔNG CỘNG			8			

GHI CHÚ: Những sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải thực tập tốt nghiệp (3 tín chỉ) và học bổ sung thêm 2 môn (5 tín chỉ)

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	GHI CHÚ
1		Thực tập cuối khóa	3			
HOẶC						
1		Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	3	3		Chọn 5

2		Kế toán thuế	2	2	
3		Thương mại điện tử	3	3	
4		Hệ QTCSDL SQL Server nâng cao	3	2	1
TỔNG CỘNG			8		

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

– Sau khi kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Khoa sẽ phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Khảo thí, Phòng Quản lý Chất lượng và các Phòng – Ban khác tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo theo kế hoạch từng năm và học kỳ. Hàng năm Khoa sẽ xem xét hoàn chỉnh chương các học phần thuộc khoa quản lý trong các chuyên ngành của khoa, xây dựng các kế hoạch thực hành cho từng chuyên ngành và kế hoạch thực tập tốt nghiệp.

– Khoa chịu trách nhiệm phân công giáo viên giảng, theo dõi nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu đề cương học phần. Tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện theo đúng qui chế của Bộ Giáo dục và Đào Tạo.

– Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

10.2. Phương pháp đào tạo:

– Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên và tự đào tạo của sinh viên, đề cao và khuyến khích tính học tập và nghiên cứu của sinh viên. Áp dụng các phương pháp giảng dạy như: nêu vấn đề, bài tập tình huống, đề tài nhóm, chú trọng đến thực hành các môn học chuyên ngành.

– Giảng viên phụ trách môn học xây dựng kế hoạch giảng dạy và có kế hoạch, phổ biến đến sinh viên để có hướng chuẩn bị học tích cực.

- Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn học thuộc khoa quản lý như:
 - ✓ Thảo luận: giảng viên giảng dạy các nội dung cơ bản và mở rộng vấn đề, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị sinh viên đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài viết.
 - ✓ Mời các doanh nghiệp báo cáo thực tế.
 - ✓ Tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ: thảo luận tình huống, khảo sát viết đề tài nhỏ,...
- Đánh giá kết quả học tập: đánh giá kết quả học tập sẽ theo yêu cầu từng môn học theo kế hoạch Khoa đã duyệt, phù hợp với quy chế của Bộ Giáo dục – Đào tạo và các văn bản của Trường.

11. MÔ TẢ VẤN TẮT KHỐI LƯỢNG VÀ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

1) Tin học đại cương:

– Tên Tiếng Anh: **Basic Informatics**

– Số tín chỉ: 3 (45 LT + 30 TH)

– Điều kiện tiên quyết: Không

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến các khối kiến thức: Hệ điều hành Windows và các tiện ích của hệ điều hành; Soạn thảo văn bản với MS. Word; Xử lý bảng tính với MS. Excel; Trình diễn với PowerPoint; Internet và MS. Office Outlook (phiên bản từ 2010 trở về sau); Phần mềm tiện ích và bảo mật. Học phần giúp sinh viên nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu với bảng tính, soạn bài thuyết trình, quản lý hộp mail thông qua MS. Office Outlook, tìm kiếm tài liệu trên Internet, sử dụng các phần mềm tiện ích và bảo mật phục vụ học tập và làm việc sau khi sinh viên tốt nghiệp.

– Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Minh Tùng, Trương Đình Hải Thụy, Đinh Xuân Thọ, Nguyễn Thanh Trường, Nguyễn Thị Trần Lộc, Trần Trọng Hiếu, Trần Thanh San, Lâm Hoàng Trúc Mai, Trương Xuân Hương, Phạm Thủy Tú, *Giáo trình Tin học đại cương – tái bản lần 3*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2015.

[2] Joan Preppernau and Joyce Cox, *Windows 7 Step by Step*, Microsoft Press, 2010

[3] Moffat Stephen, *Excel 2010 Introduction Part I*, Stephen Moffat & Ventus Publishing ApS, 2011. ISBN 978-87-7681-804-3.

[4] Maffat Stephen, *World 2010 Advanced*, The Mouse Training Company, 2010.

[5] Microsoft Vietnam, *Giáo trình hướng dẫn sử dụng Microsoft Power Point 2010*.

2) Toán rời rạc: 3 Tín chỉ

– Tên Tiếng Anh: **Discrete Mathematics**

– Số tín chỉ: 3 (45 LT)

– Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp.

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những kiến thức tối thiểu của toán học rời rạc dùng làm cơ sở cho việc học tập chuyên sâu về khoa học máy tính, ở cả hai lĩnh vực phần cứng và phần mềm. Những vấn đề cơ bản thuộc lý thuyết tập hợp, logic toán, đại số mệnh đề, đại số quan hệ, lý thuyết thuật toán, lý thuyết đồ thị hữu hạn và kỹ thuật số sẽ được đề cập đến. Học phần sẽ giúp sinh viên hình thành được lối tư duy logic, rành mạch, chính xác và có cách nhìn “rời rạc hoá những quá trình liên tục”, nhờ vậy sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng hơn những kiến thức sâu rộng đang phát triển không ngừng trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

– Tài liệu tham khảo:

[1] Đặng Huy Ruận, *Lý thuyết đồ thị và ứng dụng*, NXB KHKT 2001.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Phạm Thủy Tú, Trần Trọng Hiếu, *Bài giảng Cơ sở lập trình*, Khoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2014.

[2] Herbert Schildt, *C++ A Beginner's Guide*, Osborne/McGraw Hill, 2012.

5) Cấu trúc dữ liệu và giải thuật: 3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Data Structure and Algorithm**

- Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)

- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức và tầm quan trọng của giải thuật và cách tổ chức dữ liệu. Các kiểu cấu trúc dữ liệu thông dụng và các giải thuật trên các cấu trúc dữ liệu ấy. Các kiểu cấu trúc dữ liệu được nghiên cứu bao gồm: Danh sách (List), Mảng (Array), Danh sách liên kết (Linked List), Ngăn xếp (Stack), Hàng đợi (Queue), Cây (Tree) và Đồ thị (Graph).

- Tài liệu tham khảo:

[1] Phạm Thủy Tú, *Bài giảng Cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Tài chính – Marketing, 2013.

[2] Kurt Mehlhorn & Peter Sanders, *Data Structures and Alogorithm*, 2008.

6) Cơ sở dữ liệu: 3 Tín chỉ

- Tên Tiếng Anh: **Databases**

- Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)

- Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Toán rời rạc

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và kỹ năng thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL trên hệ quản trị cơ sở dữ SQL Server thông qua các ngôn ngữ con gồm: ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL), ngôn ngữ thao tác dữ liệu (DML), ngôn ngữ điều khiển dữ liệu (DCL). Mô hình quan hệ và đại số quan hệ. Ràng buộc toàn vẹn và lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu. Cách tạo cơ sở dữ liệu, sao lưu và phục hồi cơ sở dữ liệu. Thực hành thành thạo ngôn ngữ truy vấn SQL và cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu trên nền SQL Server.

- Tài liệu tham khảo:

[1] David Maier, *The Theory of Relational Databases*.

[2] Đỗ Trung Tuấn, *Cơ sở dữ liệu*.

[3] Đồng Thị Bích Thủy, Nguyễn An Tê, *Nhập môn cơ sở dữ liệu*.

[4] Lê Tiến Vương, *Nhập môn cơ sở dữ liệu quan hệ*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2000.

[5] Nguyễn Bá Tường, *Cơ sở dữ liệu – lý thuyết và thực hành*.

- [1].Elmasri, Navathe, *Fundamentals of Database Systems*, Addison Wesley, 2003.
- [2].Morgan Kaufmann, *Database Design: Know It All*, 2003.
- [3].Nguyễn Văn Ba, *Phân tích thiết kế hệ thống thông tin*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
- [4].Sikha Bagui, Richard Earp, *Database Design Using Entity-Relationship Diagrams*, Auerbach, 2003.
- [5].Ramakrishnan, *Database Management Systems*, McGraw-Hill, 2003.
- [6].Rebecca M. Riordan, *Designing Relational Database Systems*, Microsoft Press, 1999

9) Kế toán máy 3

– Tên Tiếng Anh: **Informatics Applied in Accounting.**

– Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)

– Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương.

– Mục tiêu đào tạo học phần: học phần này cung cấp những kiến thức căn bản về các phần mềm kế toán theo các công nghệ của Microsoft (Misa SME.NET 2017), mã nguồn mở (Care Accounting) và công nghệ điện toán đám mây (Fast Accounting Online); kỹ thuật lập trình VBA và các công cụ của MS.Excel để hình thành các sổ sách liên quan đến lĩnh vực kế toán của doanh nghiệp; phân tích hiệu quả vốn cố định; vốn lưu động của doanh nghiệp và hiệu quả của dự án đầu tư.

– Tài liệu tham khảo:

[1] Lê Đình Ngân, *Bài giảng Kế toán tin học*, khoa Công nghệ thông tin, trường Đại học Tài chính – Marketing.

[2] *MS Excel Development*, Microsoft CORP, 2010

10) Lập trình kế toán 1..... 3

– Tên Tiếng Anh: **Accounting Programming – Part 1.**

– Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)

– Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình và Cấu trúc dữ liệu và giải thuật.

– Mục tiêu đào tạo học phần: cung cấp kiến thức lập trình hướng đối tượng dựa trên ngôn ngữ C#.NET. Xây dựng các ứng dụng trên Windows Application và Console Application thông qua các hàm và thủ tục do người dùng định nghĩa trong lớp hoặc không gian tên. Xây dựng các ứng dụng với các điều khiển thông dụng và lập trình thông qua các lớp kế thừa nhằm tăng tính mở rộng, tính sử dụng lại,... trong kỹ thuật lập trình hướng đối tượng.

– Tài liệu tham khảo:

[1]. John Sharp, *Microsoft Visual C# 2010 Step by Step*, Microsoft Press, 2010.

- Điều kiện tiên quyết: Lập trình web1
- Mục tiêu đào tạo học phần: học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về sử dụng Joomla trong việc thiết kế web, ứng dụng trong việc thiết kế website của doanh nghiệp; website bán hàng online, quản trị dữ liệu của doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Lê Đình Ngân và Trương Xuân Hương, *Bài giảng Lập trình PHP*, khoa Công nghệ thông tin, trường Đại học Tài chính – Marketing.

[2] *PHP Development*, 2010

14) Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp 3

- Tên Tiếng Anh: **Enterprise Resource Planning (ERP).**

- Số tín chỉ: 3 (30 LT + 30 TH)

- Điều kiện tiên quyết: Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị học

- Mục tiêu đào tạo học phần: học phần này cung cấp những khái niệm chủ chốt trong lĩnh vực ERP, quá trình triển khai ERP cho một doanh nghiệp và sự tích hợp các quy trình kinh doanh vào Hệ thống ERP; Từ đó, sinh viên có thể tham gia vào các hoạt động (lĩnh vực nghề nghiệp) của một công ty triển khai ERP như Tư vấn nghiệp vụ (Business consultant), Tư vấn kỹ thuật (Technical consultant), Phân tích hệ thống (Business Analyst), Customer training... cũng như tham gia vào các hoạt động quản trị một Hệ thống ERP đã được triển khai (vai trò như một chuyên viên IT của doanh nghiệp) như Chuyên viên kỹ thuật, Chuyên viên Quản trị hệ thống,....

- Tài liệu tham khảo:

[1] *Bài giảng Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp*, khoa Công nghệ thông tin, trường Đại học Tài chính – Marketing

[2] Simha R. Magal, Jeffrey Word, *Integrated Business processes with ERP Systems*, WILEY, 2011.

[3] Ralph M. Stair, Geogre W. Reynolds, *Principles of Information Systems – A Managerial Approach*, Ninth edition, 2010

15) An toàn thông tin 3

- Tên tiếng Anh: **Information Security**

- Số tín chỉ: 3 (30LT + 30 TH)

- Điều kiện tiên quyết: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server

- Mục tiêu đào tạo học phần: cung cấp kiến thức cơ bản về bảo mật và an toàn dữ liệu; tầm quan trọng của an toàn thông tin trong kỷ nguyên internet; các phương thức tấn công thâm nhập hệ thống mạng; các phương pháp mã hoá đối xứng và cơ sở hạ tầng khoá công khai, chứng thực điện tử và một số giải pháp bảo mật khác.

- Tên tiếng Anh: **Financial Accounting – Part 1**
- Số tín chỉ: 3 (45LT)
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Mục tiêu đào tạo: học phần cung cấp cho sinh viên các đặc điểm, yêu cầu quản lý cũng như các nguyên tắc, quy định kế toán theo chuẩn mực kế toán và theo chế độ kế toán liên quan đến các đối tượng kế toán cơ bản trong doanh nghiệp: Vốn bằng tiền; Các khoản phải thu, các khoản ứng trước; Hàng tồn kho; TSCĐ và bất động sản đầu tư; Nợ phải trả; Vốn chủ sở hữu; Doanh thu, thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Qua học phần này, sinh viên hiểu và phân tích được ảnh hưởng của một số chuẩn mực kế toán Việt Nam đến các khoản mục cơ bản trên báo cáo tài chính, trên cơ sở có đối chiếu với chuẩn mực kế toán quốc tế. Có kiến thức về việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp đối với các nghiệp vụ cơ bản; Hiểu và giải thích được sự khác biệt giữa số liệu theo chuẩn mực kế toán với số liệu theo quy định thuế trong các phần hành kế toán có liên quan. Có kiến thức cơ bản về việc tổ chức công tác chứng từ và ghi sổ kế toán tương ứng với từng phần hành kế toán.

- **Các chương trong học phần**

- + Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán tài chính
- + Chương 2: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và các khoản ứng trước
- + Chương 3: Kế toán hàng tồn kho
- + Chương 4: Kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư
- + Chương 5: Kế toán nợ phải trả
- + Chương 6: Kế toán vốn chủ sở hữu
- + Chương 7: Kế toán doanh thu, thu nhập khác, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

- + Tài liệu “Kế toán tài chính 1” lưu hành nội bộ của Khoa Kế toán – Kiểm toán.
- + Tài liệu “Bài tập kế toán tài chính 1” lưu hành nội bộ của Khoa Kế toán – Kiểm toán.
- + Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp
- + Giáo trình Kế toán tài chính - Phần 1 và 2 – Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - NXB Lao Động - TP. HCM, 2011.
- + Financial Accounting Ninth Edition, Jerry J. Weygandt (2013), Wiley.

18) Kế toán tài chính 2 3

- Tên tiếng Anh: **Financial Accounting – Part 2**
- Số tín chỉ: 3 (45LT)
- Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1

toán năm, điều chỉnh sai sót của năm trước, thay đổi chính sách kế toán và ước tính kế toán. Qua học phần này giúp cho SV hiểu và thực hiện kế toán thuế, hiểu được quy trình lập báo cáo tài chính; Biết so sánh về việc áp dụng các hình thức kế toán trong doanh nghiệp; Giải thích được từng khoản mục trên hệ thống báo cáo có ảnh hưởng thế nào trong quá trình lập báo cáo. Qua đó tạo cho SV kỹ năng có khả năng tự tìm hiểu để tổ chức công tác chứng từ, ghi sổ kế toán làm cơ sở để lập báo cáo thuế, báo cáo tài chính. Từ đó có khả năng nghiên cứu các lĩnh vực phân tích tài chính doanh nghiệp..

– **Tên các chương trong học phần:**

- + Chương 1 – Kế toán thuế
- + Chương 2 – Lập và trình bày báo cáo tài chính
- + Chương 3 – Thông tin về các bên liên quan; Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm; Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và sai sót

– **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**

- + Tài liệu “Kế toán tài chính 3” lưu hành nội bộ của Khoa Kế toán – Kiểm toán.
- + Giáo trình Kế toán tài chính Phần 5 – Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - NXB Lao Động - TP. HCM, 2011.
- + Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Luật thuế và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
- + Financial Accounting Ninth Edition, Jerry J. Weygandt (2013), Wiley

20) Kế toán chi phí..... 3

- Tên tiếng Anh: **Cost Accounting**
- Số tín chỉ: 3 (45LT)
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán tài chính 1

– Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản có liên quan đến việc ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp tính giá thành sản phẩm theo từng đặc điểm qui trình công nghệ, từng mô hình kế toán như: mô hình kế toán chi phí theo thực tế, mô hình kế toán chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính, mô hình kế toán chi phí định mức trong quá trình sản xuất giúp cho doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện hơn hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

– **Tên các chương trong học phần:**

- + Chương 1: Tổng quan về kế toán chi phí
- + Chương 2: Phân loại chi phí và giá thành
- + Chương 3: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế

- + Tên tiếng Anh: **Accounting Management – Part 2**
- + Số tín chỉ: 3 (45LT)
- + Điều kiện tiên quyết: Kế toán quản trị 1
- + Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ thuật giúp cho nhà quản lý hoạch định và kiểm soát một cách hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp. Môn học đặt trọng tâm vào các kỹ thuật phân tích thông tin, đánh giá trách nhiệm quản lý của các trung tâm, định giá sản phẩm, phân tích báo cáo tài chính nhằm phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh.
- + **Tên các chương trong học phần:**
 - + Chương 1: Phân tích biến động chi phí
 - + Chương 2: Kế toán trách nhiệm quản lý
 - + Chương 3: Định giá sản phẩm
 - + Chương 4: Quyết định về đầu tư dài hạn
 - + Chương 5: Phân tích báo cáo tài chính
- **Giáo trình/Tài liệu tham khảo chính**
 - + Tài liệu “Kế toán quản trị 2” lưu hành nội bộ của Khoa Kế toán – Kiểm toán
 - + Bộ môn kế toán quản trị - phân tích hoạt động kinh doanh, Kế toán quản trị, Đại học kinh tế TP HCM, NXB Kinh tế TP HCM, 2013
 - + Ronald W. Hilton, David E. Platt, Managerial Accounting, Mc Graw Hill, Ninth edition, Global edition

23) Kiểm toán căn bản..... 3

- Tên tiếng Anh: **Basic Auditing**
- Số tín chỉ: 3 (45LT)
- Điều kiện tiên quyết: Kế toán quản trị 1
- Mục tiêu đào tạo học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về kiểm toán: giúp sinh viên nắm được các khái niệm, lịch sử kiểm toán, phân loại kiểm toán, kiểm toán viên, công ty kiểm toán, tổ chức nghề nghiệp kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp kiểm toán; giúp sinh viên khái niệm kiểm soát nội bộ, các bộ phận cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ, hạn chế tiềm tàng của kiểm soát nội bộ, và trình tự xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của kiểm toán viên; và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính của kiểm toán viên độc lập.
- **Tên các chương trong học phần:**
 - + Chương 1: Tổng quan về kiểm toán
 - + Chương 2: Kiểm soát nội bộ

– Mục tiêu đào tạo học phần: Môn học này tập trung hướng dẫn cho người học hiểu và vận dụng các quy định của nhà nước trong việc tổ chức hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách, hệ thống báo cáo, tổ chức bộ máy kế toán và hành nghề kế toán; tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin tại doanh nghiệp.

– Giáo trình/tài liệu tham khảo chính:

+ PGS-TS. Đoàn Xuân Tiên, Tổ chức công tác kế toán, Nhà xuất bản Lao động xã hội Hà Nội, 2010;

+ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015;

+ Chế độ kế toán doanh nghiệp : / Quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán (Thông tư số 200/2014/ TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp), NXB Tài chính, 2015;

+ Chế độ kế toán doanh nghiệp : / Quyển 2 Báo cáo tài chính doanh nghiệp độc lập báo cáo tài chính hợp nhất chứng từ và sổ kế toán ví dụ thực hành (Ban hành theo: Thông tư số 200/2014/ TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 200/2014/ TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất), NXB Tài chính, 2015;

+ Accounting Information Systems, Global Edition (13e), Marshall B. Romney, Paul J. Steinbart, 2015, Pearson Education.

26) Thương mại điện tử 3 Tín chỉ

– Tên tiếng Anh: **E-Commerce**

– Điều kiện tiên quyết: Cơ sở dữ liệu

– Mục tiêu đào tạo học phần: Cung cấp kiến thức về các mô hình kinh doanh trên mạng Internet, các thành phần cấu tạo nên một hệ thương mại điện tử, cách thức kinh doanh, thanh toán trong thương mại điện tử; những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành kinh doanh trực tuyến; kỹ năng nhận biết các mô hình kinh doanh trên mạng Internet; cách thức tấn công và các giải pháp phòng chống tấn công mạng thương mại điện tử; cách thức giao dịch và thanh toán trên mạng Internet,...

– Tài liệu tham khảo:

[1].Donal O'mahoni-Micheal Peirce-HiTesh Tewari, *Electronic Payment Systems for E-Commerce*, Second Edition, Artech House, Computer security series, 2001

[2].H.R.Machiraju, *Modern Commercial Banking*, Second Edition, New Age International (P), Ltd, 2008.

[3].Nguyễn Thị Trần Lộc, *Bài giảng Thương mại điện tử*, Khoa Công nghệ Thông tin.

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
– Diện tích sử dụng	m ²	459
3.7. Ký túc xá		
– Số phòng	phòng	17
– Diện tích sử dụng	m ²	1.068
3.8. Nhà thi đấu đa năng, sân bãi thể dục, thể thao	m ²	3.200

Nguồn: Phòng Quản trị thiết bị

Sinh viên học lý thuyết, thảo luận nhóm tại các cơ sở:

- Cơ sở 2/4 Trần Xuân Soạn, Q7, TP.HCM.
- Cơ sở 2C Phở Quang, P1, Q. Tân Bình, TP.HCM.

12.2. Thực hành các môn Tin học:

Các phòng máy tính của trường được đặt tại cơ sở 306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, quận Tân Bình, TP.HCM bao gồm các máy tính được nối mạng và trang bị các phần mềm hiện đại, giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập và tiếp cận với công nghệ mới.

12.3. Thư viện, sách và tài liệu tham khảo:

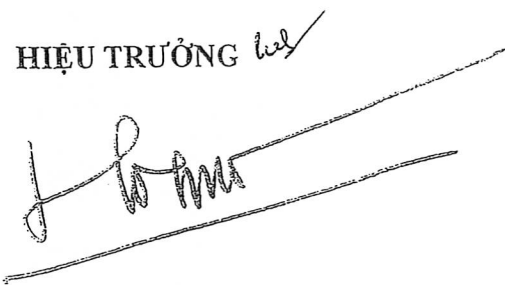
Thư viện của trường bao gồm các cơ sở:

- Cơ sở 2/4 Trần Xuân Soạn, Q7
- Cơ sở 2C Phở Quang, P1, Q. Tân Bình, TP.HCM

Gồm có: sách, giáo trình các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



TS Hoàng Đức Long

TRƯỞNG KHOA
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Lê Đình Ngân

